

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2024/HC-PT
Ngày: 11 tháng 6 năm 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 90/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5939/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử, tự ý bỏ về khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Phương V và Luật sư Nguyễn Văn K - Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số nhà F, ngõ B V, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (LS V vắng mặt, LS K có mặt và vắng mặt khi tuyên án).

- **Người bị kiện:**

1. UBND và Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn N - Chủ tịch UBND huyện L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T - Phó Chủ tịch UBND huyện L, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện L: Ông Vũ Xuân T1 - Phó Giám đốc và ông Trương Văn Q - Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất và Cum công nghiệp huyện L (ông T1 có mặt, ông Q vắng mặt).

2. UBND và Chủ tịch UBND tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh D - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thế T2 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh B, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh B: Ông Nguyễn Văn H - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B và ông Hoàng Văn T - Phó Chủ tịch UBND huyện L, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đỗ Đức H1, sinh năm 1963; cụ Đỗ Đức S, sinh năm 1941; cụ Trương Thi G, sinh năm 1940; chị Đỗ Thị Ngọc L1, sinh năm 1989; chị Đỗ Thị Kim A, sinh năm 1992 và chị Đỗ Thị Hồng A1, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, tri trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (cụ S, cụ G, chị L1, chị Kim A và chị Hồng A1 vắng mặt; ông H1 có mặt khi xét xử, tự ý bỏ về khi tuyên án).

2. UBND thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T3 - Phó Chủ tịch UBND thị trấn P, có mặt.

3. Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà D, số H đường T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T4 - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L2 - Phó Tổng Giám đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/2/2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 31/3/2021, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư số 2 (giai đoạn I) xã P, huyện L (sau đây viết tắt là Quyết định số 295). Quy mô dự án được thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 được phê duyệt theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh B (sau đây viết tắt là Quyết định số 777). Nhưng trong phần căn cứ ban hành Quyết định số 295 không căn cứ vào Quyết định số 777. Tại phần 11. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Quyết định số 295 có nội dung: “Giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với toàn bộ đất ở liên kề mới: LK01, LK02, LK03, LK04, LK05, LK06, LK07, LK08, LK09, LK10”, nhưng vị trí lô đất LK08 trong quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 được phê duyệt theo Quyết định số 777 không nằm trong diện

tích đất thuộc dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)) [xã P, huyện L](#). Việc giao đất không thuộc dự án cho chủ đầu tư là hoàn toàn trái quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, [UBND huyện L](#), tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 3) để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn A](#)) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) (sau đây viết tắt là Quyết định số 1420). Theo Quyết định 1420 thì gia đình bà bị thu hồi diện tích 2.187,1m², nhưng đến thời điểm này gia đình bà vẫn chưa nhận được bản gốc Quyết định số 1420 của [UBND huyện L](#). Ngoài ra, trước khi có Quyết định thu hồi đất thì Trung tâm phát triển quỹ đất và [UBND xã P](#) không tổ chức họp phổ biến cho người dân về việc thông báo thu hồi đất.

Ngày 12/10/2022, [UBND huyện L](#), tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)), [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) (sau đây viết tắt là Quyết định số 1421). Tuy nhiên, quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất gia đình bà không được mời họp để tham gia đóng góp ý kiến, mặc dù gia đình bà bị thu hồi đất với diện tích lớn nhất trong tất cả các hộ dân. Bên cạnh đó, mục đích thu hồi đất là để thực hiện dự án kinh doanh bất động sản mang lại lợi ích kinh tế cho chủ đầu tư. Do đó, mục đích thu hồi đất không phải để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 nên việc áp giá bồi thường với gia đình bà là không đúng quy định.

Ngày 09/12/2022, Chủ tịch [UBND huyện L](#) đã ban hành Quyết định số 8261/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà (sau đây viết tắt là Quyết định số 8261). Theo đó, ngày 19/12/2022, [UBND huyện L](#) đã tổ chức cưỡng chế, phá hủy toàn bộ các tài sản trên đất gây thiệt hại, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình bà nên bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc thu hồi đất (đợt 3) và một phần Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) liên quan đến gia đình bà [Nguyễn Thị L](#);

- Hủy một phần Quyết định số 8261/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch [UBND huyện L](#) về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)) [xã P](#) (hiện nay là [thị trấn P](#)), [huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) liên quan đến gia đình ông [Đỗ Đức H1](#) -vợ là bà [Nguyễn Thị L](#);

- Hủy Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#) ([giai đoạn I](#)) [xã P, huyện L](#);

- Buộc [UBND huyện L](#) phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà với số tiền là 5.200.000.000đ là trị giá 03 căn nhà, sân thềm, giếng nước ngầm, máy bơm nước, təc nước, 02 ti vi, một điều hoà, một đài cát sét, 02 giường, chan ga, gối đệm, 03 chiếc bàn, 06 chiếc ghế, 05 triệu tiền VNĐ, thuốc chữa bệnh, quần áo, xoong nồi, bát đĩa, một hòm cáng thóc 05 tạ và nhiều đồ đạc khác trong gia đình; 02 con lợn gây nái, 180 con gà đẻ và già thịt, 200 cây ăn quả lâu năm trong đó có 100 cây ăn quả tuổi thọ 30 năm, 100 búi lá rong,

3000 búi khoai, 200 búi sả và nhiều loại cây khác...và hoàn trả lại cho gia đình bà 2.848m² đất nông nghiệp.

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch [UBND huyện L](#), tỉnh Bắc Giang do ông [Hoàng Văn T](#) - Phó Chủ tịch [UBND huyện L](#) là đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Hộ gia đình bà [Nguyễn Thị L](#) là một trong các trường hợp có đất thu hồi để thực hiện dự án [Khu dân cư S](#) (giai đoạn [I](#)), [xã P](#), [huyện L](#) (sau đây viết tắt là dự án [Khu dân cư S](#)). Hộ gia đình bà [Nguyễn Thị L](#) có tổng số 04 thửa đất thu hồi tại dự án với tổng diện tích là 3.009,7 m², diện tích trong chỉ giới GPMB dự án là 2.840,4 m² (trong đó diện tích đất được cấp GCNQSD đất trồng lúa của gia đình bà [L](#) và dồn đổi của một số hộ khác 2.096,0 m²; đất nông nghiệp do [UBND thị trấn P](#) quản lý giao thầu cho hộ gia đình, cá nhân là 504 m²; phần diện tích đất nông nghiệp tăng thêm do sai số đo đạc là 429,7 m²), cụ thể:

- Thửa 230, tờ 58, diện tích cả thửa 223,9 m²; diện tích thu hồi 223,9 m² loại đất trên bản đồ (LUC) đất chuyên trồng lúa (nguồn gốc đất Nhà nước giao trồng lúa đã được cấp GCN hộ ông [Đỗ Đức H1](#)). Tại thời điểm [UBND huyện L](#) ban hành thông báo thu hồi đất, phần diện tích đất trên của hộ bà [L](#) đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm.

- Thửa 107, tờ 58 diện tích cả thửa 477,5 m²; diện tích thu hồi 477,5 m² loại đất trên bản đồ (LUC) đất chuyên trồng lúa (nguồn gốc đất Nhà nước giao trồng lúa đã được cấp GCN hộ ông [Đỗ Đức H1](#)). Tại thời điểm [UBND huyện L](#) ban hành thông báo thu hồi đất, phần diện tích đất trên của hộ bà [L](#) đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm.

- Thửa số 199, tờ 16, diện tích cả thửa là 169,3 m², diện tích thu hồi 169,3 m² (nguồn gốc là đất nông nghiệp trồng lúa của hộ ông [Đỗ Văn D1](#) được Nhà nước giao; năm 2001 hộ bà [L](#) đã dồn đổi về để canh tác, sử dụng). Tại thời điểm [UBND huyện L](#) ban hành thông báo thu hồi đất, phần diện tích đất trên của hộ bà [L](#) đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm.

- Thửa số 03 tờ 16, diện tích cả thửa 2.139,0 m², diện tích thu hồi 1.989,7 m²; diện tích còn lại 149,3 m² (nguồn gốc có một phần diện tích đất của hộ ông [Đỗ Đức H1](#) được Nhà nước giao; còn lại là năm 2001 dồn đổi với các hộ khác về, phá bờ để canh tác sử dụng). Tại thời điểm [UBND huyện L](#) ban hành thông báo thu hồi đất, phần diện tích đất trên của hộ bà [L](#) đang có tài sản trên đất là công trình xây dựng, cây trồng lâu năm, tường vảnh lao.

2. Căn cứ pháp lý thực hiện dự án: Dự án đầu tư xây dựng [Khu dân cư S](#) là dự án thuộc danh mục Nhà nước thu hồi đất (quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013). Quy mô dự án thu hồi 10,15 ha đất liên quan đến 253 hộ gia đình, cá nhân và đất do [UBND thị trấn P](#) quản lý; dự án được triển khai theo hình thức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư.

- Về chủ trương đầu tư: Được [UBND tỉnh B](#) phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 295;

- Về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: Đã thực hiện đấu thầu công khai theo quy định, kết quả nhà đầu tư được lựa chọn là [Công ty cổ phần B](#) ([UBND tỉnh B](#) đã phê duyệt tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022);

- Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và danh mục dự án công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa:

Về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 [huyện L](#) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 (tại số thứ tự 42, Biểu 10/PB), diện tích 10,15 ha; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022.

Về kế hoạch sử dụng đất: Phù hợp và được [UBND tỉnh B](#) phê duyệt tại Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 7/6/2022 (tại số thứ tự 37, Biểu 10/CH), diện tích 10,15 ha;

Về danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: Dự án được [HĐND tỉnh B](#) thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác năm 2021 và 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 6/4/2022.

3. Quá trình tổ chức thực hiện: Căn cứ Luật Đất đai 2013 và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của [UBND tỉnh B](#) về việc ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của [UBND tỉnh B](#).

[UBND huyện L](#) đã ban hành các thông báo số về việc thu hồi đất, kế hoạch thu hồi đất; thành lập Hội đồng GPMB; thành lập tổ công tác tuyên truyền vận động và kiểm kê đất đai; cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện công tác GPMB là Trung tâm PTQĐ & CCN huyện.

Để triển khai dự án, Trung tâm phát triển Quỹ đất & CCN huyện đã phối hợp với [UBND xã P](#) (nay là [thị trấn P](#)) tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các văn bản, chính sách liên quan đến dự án tại địa điểm các Nhà văn hoá có liên quan và trụ sở [UBND thị trấn P](#) (Ngày 09/3/2022 niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất số 57/TB-UBND ngày 08/3/2022; ngày 14/3/2022 niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất số 60/TB-UBND ngày 11/3/2022)

- Ngày 16/3/2022, 17/3/2022 Trung tâm PTQĐ&CCN huyện phối hợp UBND, [UBMTTQ xã P](#) (nay là [thị trấn P](#)) tổ chức họp triển khai thông báo thu hồi đất; kế hoạch thu hồi đất và phổ biến chế độ chính sách đến người có đất thu hồi và tài sản trên đất tại các Nhà văn hóa, tổ dân phố. Đồng thời, bàn giao thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình; thực hiện thuê đơn vị tư vấn giá độc lập khảo sát để phê duyệt giá cụ thể tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức phát tờ khai và kiểm kê đất đai; kết quả 252/253 phối hợp kiểm kê; duy nhất có trường hợp hộ bà [Nguyễn Thi L](#) không phối hợp kiểm kê đất đai và phải áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc.

Kết thúc quá trình kiểm đếm, Trung tâm phát triển Quỹ đất & CCN huyện phối hợp với [UBND xã P](#) rà soát, đối chiếu toàn bộ nguồn gốc, số liệu đất đai; trên cơ sở số liệu được đối chiếu, Trung tâm phát triển Quỹ đất & CCN huyện lập và tổ chức công khai phương án làm 04 đợt, trong đó: Đợt 3, liên quan đến hộ gia đình bà [Nguyễn Thi L](#) và 08 hộ đã dồn đổi ruộng với hộ bà [L](#); công khai

tại các [Nhà văn hóa T9](#) 1 ngày 19/9/2022; [Nhà Văn hóa T9](#) 3 ngày 19/9/2022; tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhân dân đóng góp vào phương án các ngày: [Thôn P](#), ngày 05/10/2022; kết thúc công khai ngày 10/10/2022.

Hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định và Hội đồng thẩm định đã thẩm định vào ngày 11/10/2022; trên cơ sở đó ngày 12/10/2022 Phòng TNMT đã có Tờ trình số 1144/TTr-TNMT và 1145/TTr-TNMT trình UBND huyện ban hành Quyết định số 1420 và Quyết định số 1421.

Ngay sau khi [UBND huyện L](#) ban hành Quyết định số 1420 và Quyết định số 1421, [UBND thị trấn P](#) đã phối hợp với Trung tâm PTQĐ&CCN huyện tiến hành giao quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án và thông báo giải ngân cho các hộ gia đình có đất, tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi (*việc bàn giao được lập thành biên bản và có xác nhận của các thành phần tham gia*), đồng thời phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh và tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn và các tổ dân phố có liên quan (*quá trình niêm yết công khai được lập thành biên bản các thành phần tham gia cùng nhau ký xác nhận*).

Ngày 17/10/2022, [UBND thị trấn P](#) phối hợp với Trung tâm PTQĐ&CCN huyện tổ chức giải ngân kinh phí bồi thường, hỗ trợ nhưng không nhận được sự phối hợp của hộ gia đình.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 12/10/2022, [UBND thị trấn P](#) phối hợp với Trung tâm PTQĐ&CCN huyện, UBMTTQ và các ban ngành, đoàn thể thị trấn, [BQL tổ dân phố P](#) đã tổ chức 04 đợt tuyên truyền, vận động các hộ gia đình đồng thuận nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước, nhưng không nhận được sự phối hợp của hộ gia đình bà [L](#) (*Lần 1 ngày 30/10/2022, lần 2 ngày 04/11/2022, lần 3 ngày 08/11/2022, lần 4 ngày 12/11/2022*)

Sau khi hết thời gian tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo kế hoạch [UBND thị trấn P](#) tiếp tục phối hợp với Trung tâm PTQĐ&CCN huyện, UBMTTQ và các ban ngành, đoàn thể thị trấn, [BQL tổ dân phố P](#) tiếp tục tổ chức 03 đợt tuyên truyền, vận động (*Lần 1 ngày 16/11/2022, lần 2 ngày 17/11/2022, lần 3 ngày 21/11/2022*), nhưng hộ gia đình bà [L](#) vẫn không phối hợp làm việc.

Ngày 23/11/2022, Trung tâm PTQĐ&CCN huyện có Văn bản số 147/CV-TTPTQĐ&CCN đề nghị chủ đầu tư dự án là [Công ty cổ phần B](#) gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) vào tài khoản [Kho bạc Nhà nước huyện L](#), tổng số tiền là 939.627.120 đồng; [UBND thị trấn P](#) ban hành các Thông báo số 81/TB-UBND, 82/TB-UBND, 83/TB-UBND và 84/TB-UBND về việc gửi vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện Lục Nam tiền bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) đồng thời Tổ công tác đã bàn giao thông báo việc gửi tiền vào kho bạc Nhà nước của hộ gia đình bà [L](#) theo quy định của pháp luật.

Sau khi gửi tiền vào kho bạc, UBND huyện tiếp tục mời hộ bà [L](#) làm việc, đối thoại; tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, vận động hộ gia đình bà [L](#) nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB, tuy nhiên hộ gia đình không phối hợp làm việc, không đồng ý nhận tiền và bàn giao đất cho Nhà nước để thực hiện dự án;

Ngày 08/12/2022, trung tâm PTQĐ&CCN huyện đã ban hành Văn bản số 163/CV-TTPTQĐ&CCN và gửi toàn bộ hồ sơ trình Phòng TNMT thẩm định và tham mưu UBND huyện (*Tờ trình số 1356/TTr-TNMT và 1357/TTr-TNMT ngày 08/12/2022*) ban hành Quyết định Cường chế thu hồi đất; tổ chức niêm yết công khai từ ngày 09/12/2022 tại trụ sở [UBND thị trấn P](#), [Nhà văn h](#), các tổ dân phố liên quan đồng thời bàn giao cho hộ gia đình (*Biên bản bàn giao ngày 09/12/2022*). Trước thời gian thực hiện ngày 16/12/2022, UBND huyện đã tổ chức đối thoại với hộ bà [L](#) và tiếp tục tổ chức tuyên truyền, vận động nhưng hộ gia đình vẫn không chấp hành thực hiện.

Ngày 19/12/2022, UBND huyện tổ chức cường chế thu hồi đất với tổng diện tích 2.356,4 m² đất của các hộ ông [Đỗ Đức H1](#)-vợ là [Nguyễn Thị L](#) và các hộ gia đình: bà [Trinh Thị Ú](#), bà [Đỗ Thị T5](#), ông [Hoàng Văn T6](#), bà [Đỗ Thị H2](#), ông [Đỗ Văn D1](#), ông [Ta Quang Đ](#), ông [Đỗ Văn T7](#), bà [Trương Thị V1](#), quá trình thực hiện trong thời gian hành chính và đảm bảo trình tự đúng theo quy định, không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến tài sản ngoài ranh giới của hộ gia đình; có đầy đủ hồ sơ biên bản ghi nhận sự việc được đại diện tổ dân phố chứng kiến; có ghi hình, chụp ảnh để lưu.

4. Kết quả thực hiện dự án: Kết quả đến nay đã giải phóng mặt bằng được 10,06 ha/10,15 ha, đạt 99,1 % về diện tích; số hộ đã giải phóng mặt bằng được 249/253 hộ (*trong đó 248 hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; 01 hộ phải cường chế thu hồi đất*) đạt 98,4% số hộ. [UBND tỉnh B](#) đã có Quyết định chuyển mục đích và giao đất đợt 1 cho Nhà đầu tư với diện tích giao đất 9,63 ha. Hiện đang hoàn thiện hồ sơ xin [UBND tỉnh B](#) giao đất đợt 2 cho Nhà đầu tư theo quy định.

5. Việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình: [UBND huyện L](#) đã phê duyệt đơn giá đất cụ thể và tài sản trên đất khi thực hiện một số dự án trên địa bàn [huyện L](#), trong đó có dự án [Khu dân cư S](#), đơn giá đất trồng lúa là 70.000 đồng/m² (hệ số k=1,4 lần). Như vậy, đơn giá bồi thường về đất cao hơn so với Bảng giá đất của [UBND tỉnh B](#) giai đoạn 2022-2024 phê duyệt tại Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021, đối với xã miền núi là 50.000 đồng/m²; về tài sản trên đất được phê duyệt giá tài sản đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 46/SXD-KT&VLXD ngày 06/01/2022 của [Sở Xây Dựng tỉnh B](#) và Công văn số 2656/SNN-KHTC ngày 31/12/2021 của [Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh B](#).

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà [Nguyễn Thị L](#) là 961.995.120 đồng, trong đó phê duyệt đợt 2 tại Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 là **38.939.000 đồng**; đợt 3 tại Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 là 923.056.120 đồng, cụ thể:

- Kinh phí bồi thường đất: 164.948.000 đồng;
- Kinh phí bồi thường tài sản trên đất: 6.172.320 đồng;
- Kinh phí bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất: 17.640.000 đồng.
- Các khoản hỗ trợ: 773.234.800 đồng, gồm:
 - + *Kinh phí hỗ trợ tài sản trên đất: 337.308.200 đồng;*
 - + *Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất: 23.564.000 đồng;*

+ Kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 366.582.600 đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề khi thu hồi trên 70% diện tích trên 01 định suất giao ruộng: 10.500.000 đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ khi thu hồi quỹ đất công ích: 35.280.000 đồng;

Quan điểm của người bị kiện đối với các quyết định hành chính:

Về thẩm quyền: Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án do UBND huyện ban hành là hoàn toàn đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất do Chủ tịch UBND huyện ký ban hành là đúng quy định tại Điều 70,71 Luật Đất đai năm 2013.

Về trình tự thực hiện: UBND huyện thực hiện dự án đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của [UBND tỉnh B](#);

Căn cứ vào các quy định nêu trên, việc Chủ tịch và [UBND huyện L](#) ban hành các nêu trên là đảm bảo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành nên yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị L](#) là không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị L](#).

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) do ông [Phan Thế T2](#) - Phó Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) là đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Dự án đã được [UBND tỉnh B](#) phê duyệt theo Quyết định số 295.

2. Về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trình tự triển khai thực hiện dự án đã tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 và Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của [UBND tỉnh B](#) về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo khoản 2 Điều 33; nội dung thẩm định của [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B](#) theo khoản 3 Điều 33 và thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư năm 2020.

3. Đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật trong việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Trong quá trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư của [UBND huyện L](#), [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B](#), [UBND tỉnh B](#) cho thấy quy trình thẩm định đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện, cụ thể: Thành phần hồ sơ theo khoản 2 Điều 33, nội dung thẩm định theo khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư 2020.

Riêng về nội dung căn cứ pháp lý trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là căn cứ theo “*Nghị quyết 46/NQ-HĐND của [HĐND tỉnh B](#) ngày 09/12/2020 về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất; danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2021;*”, nội dung này được làm rõ như sau:

Tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của [Hội đồng nhân dân tỉnh B](#) đã đưa dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Nam QL 31 và hai bên đường vào trường cấp 3 [xã P, huyện L](#)” vào danh mục dự án cần thu hồi đất để triển khai thực hiện (STT 322, Biểu số 02, diện tích 18.000m²). Vị trí thực hiện dự án này trùng với một phần của dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)) [xã P, huyện L](#).

Tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của [HĐND tỉnh B](#) đã đưa dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Nam QL 31 và hai bên đường vào trường cấp 3 [xã P, huyện L](#)” ra khỏi danh mục các dự án, công trình đã được [HĐND tỉnh B](#) chấp thuận, nhưng không có khả năng thực hiện tại các Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020, số 22/NQ-HĐND ngày 19/8/2020 (STT 124, Biểu số 02).

Căn cứ vào Nghị quyết số 46/NQ-HĐND của [HĐND tỉnh B](#) về không thực hiện dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Nam QL 31 và hai bên đường vào trường cấp 3 [xã P, huyện L](#)” thì [UBND huyện L](#) mới quyết định triển khai thực hiện lập hồ sơ chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư số 2 (giai đoạn I) [xã P, huyện L](#), trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang thẩm định và [UBND tỉnh B](#) phê duyệt chủ trương đầu tư.

Sau khi chủ trương dự án được phê duyệt tại Quyết định số 295, căn cứ Điều 5 Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND của [UBND tỉnh B, UBND huyện L](#) đã đề xuất và được [HĐND tỉnh B](#) thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác năm 2021 và 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 6/4/2022) để triển khai thực hiện dự án.

Quyết định số 295 là đúng quy định của pháp luật. Việc bà [Nguyễn Thị L](#) đề nghị hủy Quyết định số 295 là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là [Công ty cổ phần B](#) do ông [Nguyễn Thành L2](#) - Phó tổng Giám đốc Công ty là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án: [Khu dân cư S](#) thì [Công ty B](#) là chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#).

Theo Quyết định số 1420 về việc thu hồi đất, Quyết định số 1421 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) và Quyết định số 8261 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án [Khu dân cư S](#) liên quan đến gia đình ông [Đỗ Đức H1](#) - vợ là [Nguyễn Thị L](#) thì gia đình bà [L](#) bị thu hồi diện tích 2.691,1m² đất nông nghiệp và đã bàn giao cho chủ đầu tư là [Công ty cổ phần B](#) quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ diện tích gia đình bà [L](#) bị thu hồi nằm trong tổng diện tích của dự án đã được chủ đầu tư thi công, san lấp và dựng hàng rào ngăn cách ranh giới với bên ngoài nên toàn bộ diện tích gia đình bà [L](#) bị thu hồi không còn hiện trạng ban đầu.

Theo các quyết định nêu trên thì diện tích gia đình bà [L](#) bị thu hồi là 2.691,1m² đất nông nghiệp. Do có sai sót trong việc đánh máy soạn thảo văn bản nên [UBND huyện L](#) đã có các văn bản đính chính về sự sai sót nêu trên. Vì vậy, diện tích bà [L](#) nằm ngoài chỉ giới, không bị thu hồi là 149,3m² hiện diện tích này

gia đình bà L đang quản lý và sử dụng. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Đức H1, cụ Đỗ Đức S, cụ Trương Thị G, chị Đỗ Thị Ngọc L1, chị Đỗ Thị Kim A và chị Đỗ Thị Hồng Á đã được Tòa án thông báo và giao các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không có ý kiến, quan điểm gửi cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

UBND thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Đoàn Văn T3 - Phó Chủ tịch UBND thị trấn P là đại diện theo ủy quyền trình bày: Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, UBND xã đã phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, tiến hành giao và thông báo cho hộ gia đình bà L theo đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng: Bà là Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn D1, bà Đỗ Thị T5, bà Trinh Thị Ú, ông Đỗ Văn T7, bà Trương Thị V1, ông Hoàng văn T8 và ông Ta Quang Đ (là những người dồn điền đổi thửa cho gia đình bà L) **thống nhất trình bày:** Các ông, bà có tên trong Quyết định số 1420 về việc thu hồi đất (đợt 3) và Quyết định số 1421 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) cùng ngày 12/10/2022 của UBND huyện L để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 (giai đoạn I) xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Mặc dù có tên trong các quyết định trên nhưng trong quá trình sử dụng đất các ông bà đã tiến hành dồn điền, đổi thửa cho hộ bà Nguyễn Thị L theo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi thực hiện Luật Đất đai cho thuận lợi, đảm bảo trong quá trình sử dụng đất.

Trong quá trình dồn điền, đổi thửa cho hộ bà Nguyễn Thị L, gia đình các ông bà đã thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên từ đó đến nay gia đình bà L vẫn sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp. Vì vậy, nay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất và bồi thường cho gia đình bà L các ông bà không có thắc mắc hay yêu cầu gì đối với diện tích đất nêu trên.

Tòa án đã thông báo cho gia đình các ông bà được biết việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện, các ông bà và gia đình không có bất kỳ yêu cầu gì đối với vụ án này nên các ông bà từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập, không đưa các ông bà và bất kỳ ai trong gia đình vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng và ý kiến của các ông bà.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc đề nghị Tòa án:
 - Hủy một phần Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện L về việc thu hồi đất (đợt 3) để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 (giai đoạn I) xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang liên quan đến gia đình bà Nguyễn Thị L;
 - Hủy một phần Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để thực hiện dự án Khu dân cư số 2 (giai đoạn I) xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang liên quan đến gia đình bà Nguyễn Thị L;
 - Hủy một phần Quyết định số 8261/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Khu

dân cư số 2 (giai đoạn I) [xã P](#) (hiện nay là [thị trấn P](#)), [huyện L](#), [tỉnh Bắc Giang](#) liên quan đến gia đình ông [Đỗ Đức H1](#) -Vợ là bà [Nguyễn Thị L](#);

- [Hủy Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#) (giai đoạn I) [xã P, huyện L](#);

- Buộc [UBND huyện L](#) phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà với số tiền là 5.200.000.000đ là trị giá 03 căn nhà, sân thêm, giếng nước ngầm, máy bơm nước, təc nước, 02 ti vi, một điều hoà, một đài cát sét, 02 giường, chan ga, gối đệm, 03 chiếc bàn, 06 chiếc ghế, 05 triệu tiền VNĐ, thuốc chữa bệnh, quần áo, xoong nồi, bát đĩa, một hòm cang thóc 05 tạ và nhiều đồ đạc khác trong gia đình; 02 con lợn gày nái, 180 con gà đẻ và già thịt, 200 cây ăn quả lâu năm trong đó có 100 cây ăn quả tuổi thọ 30 năm, 100 búi lá rong, 3000 búi khoai, 200 búi sả và nhiều loại cây khác...và hoàn trả lại cho gia đình bà 2.848m² đất nông nghiệp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2023, bà [Nguyễn Thị L](#) có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà [Nguyễn Thị L](#) giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và ý kiến, quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bà [L](#) cho rằng diện tích đất thu hồi của bà có nguồn gốc là đất nông nghiệp, nhưng đã chuyển đổi sang đất trồng cây lâu năm, có nhà ở trên đất, có đơn xin chuyển đổi cây trồng có xác nhận của thôn và chính quyền xã. Gia đình bà sử dụng đất ổn định trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất chuyển đổi. Theo quy định của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi loại đất nào thì đền bù bằng loại đất đó và việc thu hồi đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại phải thỏa thuận giá đất đền bù với người có đất bị thu hồi. Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#) (giai đoạn I) [xã P, huyện L](#) ban hành không đúng pháp luật, sau đó hơn 02 năm mới có văn bản đính chính dẫn đến việc ban hành các quyết định liên quan đến thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đều trái pháp luật. Gia đình bà không ký bất kỳ biên bản nào, mọi giấy tờ thủ tục liên quan đến thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ đều do họ tự làm và mạo danh ký biên bản. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, hủy Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#) (giai đoạn I) [xã P, huyện L](#) của [UBND tỉnh B](#), hủy một phần các quyết định liên quan đến thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà và bồi thường thiệt hại từ việc thu hồi đất trái pháp luật cho gia đình bà số tiền 5,2 tỷ đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) trái quy định của pháp luật, chưa thẩm định các nội dung theo quy định và chưa được [Hội đồng nhân dân tỉnh B](#) thông qua danh mục kế hoạch sử dụng đất,

chưa thực hiện đúng quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật. [UBND huyện L](#) ban hành quyết định thu hồi đất vi phạm trình tự, thủ tục liên quan đến thông báo thu hồi đất, vi phạm hình thức và nội dung thông báo thu hồi không theo đúng biểu mẫu quy định, các biên bản bàn giao đều không có chữ ký của các thành phần tham gia, không có việc bàn giao thông báo trên thực tế và có dấu hiệu tạo lập. Khi thu hồi đất, [UBND huyện L](#) không căn cứ nguồn gốc đất dẫn đến xác định sai diện tích, vị trí thu hồi đất của từng thửa đất thu hồi; công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ không đầy đủ thành phần và xác định không đúng phương án đào tạo hỗ trợ nghề. Do các quyết định nêu trên đều trái pháp luật dẫn đến việc ban hành quyết định cưỡng chế việc thực hiện thu hồi đất cũng không đúng nên bà [L](#) yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị tài sản của bà [L](#) với số tiền 5,2 tỷ đồng từ việc thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà [L](#), sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà [L](#), hủy Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) và các một phần quyết định liên quan đến thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3), quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và bồi thường thiệt hại từ việc thu hồi đất trái pháp luật cho gia đình bà số tiền 5,2 tỷ đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là [UBND huyện L](#) và Chủ tịch [UBND huyện L](#); người bảo vệ quyền, lợi ích của [UBND huyện L](#) và Chủ tịch [UBND huyện L](#) trình bày: Dự án Khu dân cư số 2 ([giai đoạn I](#)) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) là dự án thuộc danh mục quản lý Nhà nước, không phải dự án kinh doanh thương mại phải thỏa thuận giá đền bù khi thu hồi đất với người dân. [UBND huyện L](#) ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Chủ tịch [UBND huyện L](#) ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án là đúng quy định của Luật Đất đai. Dự án này chỉ có duy nhất bà [L](#) phản đối việc thực hiện dự án và khiếu kiện. Các khiếu nại, tố cáo của bà [L](#) đã được Chủ tịch [UBND huyện L](#) trả lời tại rất nhiều văn bản. Liên quan đến việc bà [L](#) cho rằng đất của bà đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất thấy bà [L](#) chỉ có đơn xin chuyển đổi cây trồng, có xác nhận của thôn và bút phê của Chủ tịch [UBND xã P](#) giao cán bộ địa chính hướng dẫn gia đình thực hiện chuyển đổi theo quy định, nhưng gia đình bà [L](#) không thực hiện các bước tiếp theo. Nếu có chuyển đổi thì cũng là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chưa được [UBND huyện L](#) phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với thửa đất số 03 là thửa đất dồn điền đổi thửa của một số hộ cho gia đình bà [L](#), nhưng các hộ chỉ dồn đổi trên thực tế, chưa thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất chuyển đổi theo quy định và không phối hợp chia tách tại thực địa khi [UBND huyện L](#) thu hồi đất, do giấy tờ và diện tích thực tế không thống nhất và các hộ này đều đã có ý kiến thống nhất đồng ý cho bà [L](#) nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất dồn đổi, không có tranh chấp với bà [L](#) nên [UBND huyện L](#) phải thu hồi và lập phương án bồi thường chung theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Nếu có tranh chấp liên quan đến tiền bồi thường thu hồi đất thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. [UBND huyện L](#) và Chủ tịch [UBND huyện L](#) khẳng định

ban hành các quyết định liên quan đến thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà [Nguyễn Thị L](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của [UBND tỉnh B](#) và Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) trình bày: Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) được ban hành đúng quy định của Luật Đầu tư, việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện đúng quy định của Luật Đấu thầu và giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của [UBND thị trấn P](#) trình bày: Đất của gia đình bà [L](#) bị thu hồi là đất nông nghiệp có dồn điền đổi thửa và một phần đất giao thầu. Năm 2001 bà [L](#) có đơn xin chuyển đổi cây trồng, nhưng không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và sang tên theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của đương sự đã kết luận: [UBND huyện L](#) ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và quy định của [UBND tỉnh B](#) về giá đất bồi thường khi thực hiện dự án. Việc bà [L](#) cho rằng dự án này là dự án kinh doanh thương mại nên chủ đầu tư phải thỏa thuận giá đất bồi thường với người có đất thu hồi là không có căn cứ. Do bà [L](#) không tự nguyện bàn giao đất thu hồi nên Chủ tịch [UBND huyện L](#) ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng nguyên tắc và các điều kiện, trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 71 Luật Đất đai.

Đối với Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ đầu tư dự án [Khu dân cư S](#) (giai đoạn I) [xã P, huyện L](#) được ban hành đúng thẩm quyền và được thẩm định theo đúng quy định của Luật Đầu tư.

Do các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên việc bà [L](#) yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ và bà [L](#) không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu bồi thường của bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đồng thời các quyết định hành chính có liên quan khác đó là quyết định phê duyệt chủ đầu tư, quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường (đợt 2) và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [L](#) là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà [L](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Ngày 28/02/2023, bà [Nguyễn Thị L](#) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [Ủy ban nhân dân tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L](#) (sau đây viết tắt là Quyết định số 295/QĐ-UBND); Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc thu hồi đất (đợt 3) để thực hiện dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) liên quan đến 09 hộ gia đình; Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) liên quan đến 09 hộ gia đình; Quyết định số 8261/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch [UBND huyện L](#) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông [Đỗ Đức H1](#), vợ là [Nguyễn Thị L](#) và các hộ gia đình bà [Trình Thị Ú](#), bà [Đỗ Thị T5](#), ông [Hoàng Văn T6](#), bà [Đỗ Thị H2](#), ông [Đỗ Văn D1](#), ông [Ta Quang Đ](#), ông [Đỗ Văn T7](#), bà [Trương Thị V1](#) để thực hiện dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P \(nay là thị trấn P\), huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) và buộc [UBND huyện L](#) bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà với số tiền 5.200.000.000 đồng là trị giá 03 căn nhà, sân, giếng nước...).

Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính và Văn bản số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao thì Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [Ủy ban nhân dân tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L](#) là quyết định hành chính mang tính tổng thể, không có danh sách các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án do có đất bị thu hồi, chưa làm thay đổi, phát sinh, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính thì quyết định này không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 295/QĐ-UBND là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là xác định không đúng đối tượng khởi kiện nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, do quyết định này là quyết định hành chính có liên quan đến các quyết định hành chính bị kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 295/QĐ-UBND là phù hợp.

Đối với các Quyết định số 1420/QĐ-UBND; Quyết định số 1421/QĐ-UBND; Quyết định số 8261/QĐ-UBND liên quan đến việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và cưỡng chế thực hiện việc thu hồi đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đối tượng khởi kiện theo khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính là có căn cứ.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/02/2023, bà [Nguyễn Thị L](#) có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên là đảm bảo thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.4]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 06/12/2023, bà [Nguyễn Thị L](#) có đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.5] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là cụ [S](#), cụ [G](#), chị [L1](#), chị [Kim A](#) và chị [Hồng A1](#) đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà [L](#) và ông [H1](#) xác nhận những thành viên hộ gia đình của ông bà nêu trên đã nhận được giấy triệu tập, nhưng các con của ông bà đi làm nên không tham gia được phiên tòa, đồng thời đề nghị hoãn phiên tòa do vắng mặt Luật sư [Nguyễn Phương V](#) và Chủ tịch [UBND huyện L](#), tỉnh Bắc Giang. Luật sư [Nguyễn Văn K](#) bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà [L](#) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét ý kiến của bà [L](#); các đương sự khác có mặt tham gia phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc Chủ tịch [UBND huyện L](#) vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch [UBND huyện L](#) có mặt tham gia phiên tòa và Luật sư [V](#) vắng mặt, nhưng đã có Luật sư [K](#) là một trong 02 Luật sư của [Công ty L3](#) do bà [L](#) mời bảo vệ quyền lợi cho bà [L](#) tham gia phiên tòa, trước đó bà [L](#) cũng đã xin hoãn phiên tòa 02 lần và đều được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận nên không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của bà [L](#), ông [H1](#). Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ ba, các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ và sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc thu hồi đất (đợt 3) để thực hiện dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#); Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của [UBND huyện L](#) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) khi Nhà nước thu hồi đất:

- *Về thẩm quyền*: [UBND huyện L](#) ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành*: Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư số 2 (giai đoạn 1), [xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#) là dự án thuộc danh mục Nhà nước thu hồi đất được [UBND tỉnh B](#) phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021, được [Hội đồng nhân dân tỉnh B](#) thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 06/4/2022.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các quy định của [UBND tỉnh B](#) về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. [UBND huyện L](#) đã ban hành Thông báo số 57/TB-UBND ngày 08/3/2022 và Thông báo số 60/TB-UBND ngày 11/3/2022 về việc thông báo thu hồi đất thực

hiện dự án (đợt 1, đợt 2); Kế hoạch thu hồi đất số 72/KH-UBND ngày 23/3/2022; thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng và tổ công tác tuyên truyền vận động và kiểm kê đất đai.

Để triển khai dự án, Trung tâm phát triển quỹ đất và [cum công nghiệp huyện L](#) đã phối hợp với [UBND xã P](#) (nay là [thị trấn P](#)) tiến hành niêm yết công khai toàn bộ văn bản, chính sách liên quan đến dự án; niêm yết công khai thông báo thu hồi đất; tổ chức họp triển khai thông báo thu hồi đất và phổ biến chế độ chính sách đến các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và giao thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình; tổ chức phát tờ khai và kiểm kê đất đai, chỉ duy nhất hộ gia đình bà [L](#) không phối hợp kiểm kê đất đai nên phải áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc và không ký nhận các văn bản, thông báo liên quan đến thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường.

Trên cơ sở xác định xác định nguồn gốc đất, Trung tâm phát triển quỹ đất và [cum công nghiệp huyện L](#) lập và tổ chức công khai phương án bồi thường, hoàn thiện hồ sơ thẩm định và trình [UBND huyện L](#) ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Hộ gia đình bà [L](#) bị thu hồi đất đợt 3 với tổng diện tích là 2.691,1m² (trong đó diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng lúa của gia đình bà [L](#) và dồn đổi của một số hộ khác; đất nông nghiệp do [UBND xã P](#) quản lý giao thầu cho hộ gia đình, cá nhân là 504m²) được bồi thường tổng số tiền 961.995.120 đồng (trong đó có 38.939.000 đồng tại Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của [UBND huyện L](#) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đợt 2 và 923.056.120 đồng bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đợt 3).

Về xác định giá đất bồi thường, [UBND huyện L](#) đã phê duyệt đơn giá bồi thường về đất cao hơn so với Bảng giá đất của [UBND tỉnh B](#) giai đoạn 2022-2024 phê duyệt tại Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021; về tài sản trên đất được phê duyệt đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 46/SXD-KT&VLXD ngày 06/01/2022 của [Sở Xây dựng tỉnh B](#) và Công văn số 2656/SNN-KHTC ngày 31/12/2021 của [Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B](#).

Gia đình bà [L](#) đã được tuyên truyền, vận động nhận tiền nhiều lần nhưng không nhận tiền nên ngày 23/11/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất và [cum C](#) đã có văn bản đề nghị Chủ đầu tư gửi vào Kho bạc Nhà nước [huyện L](#).

[UBND huyện L](#) thực hiện thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất:

- *Về thẩm quyền*: Chủ tịch [UBND huyện L](#) ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai.

- *Về trình tự, thủ tục*: Do hộ bà [L](#) không đồng ý nhận tiền và bàn giao đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Trung tâm phát triển quỹ đất và [cum công nghiệp huyện L](#) đã phối hợp với [UBND xã P](#) (nay là [thị trấn P](#)) và các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương tuyên truyền, vận động thuyết phục nhưng bà [L](#)

vẫn không tự nguyện nhận tiền, bàn giao đất thu hồi nên Chủ tịch [UBND huyện L](#) ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai. Quyết định này đã được giao cho hộ bà [L](#), nhưng hộ bà [L](#) không ký nhận và được niêm yết công khai tại trụ sở [N1](#). Ngày 19/12/2022, [UBND huyện L](#) đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình bà [L](#) và một số hộ gia đình khác theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu [UBND huyện L](#) bồi thường thiệt hại về tài sản cho hộ gia đình bà [L](#) thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện quá trình cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án, trên đất thu hồi của hộ gia đình bà [L](#) có một số tài sản trên đất trong đó có một số vật dụng sinh hoạt và tài sản tươi sống là 02 con lợn có tổng trọng lượng 29kg và 20 con gà có tổng trọng lượng 39 kg, nhưng do gia đình bà [L](#) không phối hợp nên Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất [huyện L](#) đã tạm giữ tài sản này; lập biên bản ghi rõ số lượng, chất lượng, hình ảnh niêm phong và bàn giao cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình từ chối nhận tài sản nên Ban cưỡng chế đã bàn giao cho [UBND thị trấn P](#) trông giữ, bảo quản theo quy định. [UBND thị trấn P](#) đã 03 lần gửi thông báo mời hộ gia đình bà [L](#) đến trụ sở [UBND thị trấn P](#) để nhận lại tài sản nêu trên, nhưng gia đình bà [L](#) chỉ nhận bàn giao 01 xe máy Dream BKS98N4-0495 và từ chối nhận lại tài sản khác nên [UBND huyện L](#) đã phê duyệt thanh lý tài sản tạm giữ đối với tài sản tươi sống và chuyển số tiền thanh lý vào tài khoản tạm giữ của [Kho bạc Nhà nước huyện L](#).

Bà [L](#) không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác chứng minh yêu cầu bồi thường và do các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, cưỡng chế thu hồi đất được ban hành đúng quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà [L](#) là có căn cứ.

Đối với quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án; Quyết định thu hồi đất số 1261/QĐ-UBND và quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1262/QĐ-UBND (đợt 2) ngày 24/8/2022 của [UBND huyện L](#) đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định này, xác định Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) và [UBND huyện L](#) ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thi L](#) về việc hủy một phần các Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/10/2022; Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/10/2022; Quyết định số 8261/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch [UBND huyện L](#) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông [Đỗ Đức H1](#), vợ là [Nguyễn Thi L](#); Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của [UBND tỉnh B](#) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư số 2 (giai đoạn 1) [xã P, huyện L](#) và buộc [UBND huyện L](#) bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà [L](#) số tiền 5.200.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà [Nguyễn Thi L](#) đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà [L](#) là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà [Nguyễn Thị L](#) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà [Nguyễn Thị L](#); giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Bà [Nguyễn Thị L](#) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000901 ngày 15/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

**Nguyễn Tiến Dũng
Đoàn**

Nguyễn Trọng

Nguyễn Phương Hạnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

